

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 28/03/2025

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Nhân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Hoàng và ông Nguyễn Đăng Hòa

-Thư ký phiên tòa: Bà Phan Minh Chiến – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 03 năm 2025 tại Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2025/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2025 về “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 03 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Ngọc L; sinh năm 1962; địa chỉ: C Matuskovic drive C - SC B, Hoa Kỳ. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Hoài N, sinh năm 1973; Địa chỉ: B H, tổ A, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn bà Phan Ngọc L trình bày.

Bà và ông Nguyễn Hoài N kết hôn với nhau từ ngày 09/02/2023, đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Sau khi kết hôn thì bà sinh sống và làm việc tại Hoa Kỳ, còn ông N sinh sống tại Việt Nam, hai người không cùng chung sống với nhau nên giữa hai người không phát sinh tình cảm vợ chồng từ khi kết hôn cho đến nay.

Do giữa bà và ông N không có tình cảm vợ chồng, cuộc sống vợ chồng ông, bà không đạt được mục đích hôn nhân nên bà làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

-Về hôn nhân: Cho bà được ly hôn, chấm dứt quan hệ hôn nhân với ông N.

-Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng ông, bà không có con chung, hiện tại bà cũng không có thai với ông N nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề này.

-Về tài sản chung và nợ chung: Bà và ông N không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Phan Ngọc L có đơn xin xét xử vắng mặt và đơn xin rút ngắn thời gian giải quyết vụ án.

2. Tại bản tự khai bị đơn ông Nguyễn Hoài N trình bày:

Ông và bà L sống chung với nhau từ năm 2023. Việc sống chung là tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai ngày 09/02/2023. Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống không hợp nhau nên thường xuyên tranh cãi, quan hệ ngày càng bất hòa, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, hôn nhân không còn hạnh phúc. Ngoài ra, không gặp nhau và xa cách về mặt địa lý nên giữa ông và bà L không tình cảm với nhau. Ông và bà L cũng đã nhiều lần nói chuyện và hòa giải nhưng không tìm được tiếng nói chung. Ông và bà L đã sống ly thân với nhau từ năm 2023 đến nay, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Ông nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc.

-Về quan hệ hôn nhân: Ông đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà Phan Ngọc L.

-Về con chung: Ông và bà L không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về tài sản chung và nợ chung: Ông và bà L không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông N đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và có đơn xin rút ngắn thời gian giải quyết vụ án.

3. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai có ý kiến như sau:

Về trình tự, thủ tục tố tụng: Việc Tòa án thụ lý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng. Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về thụ lý vụ án, thẩm quyền giải quyết vụ án cũng như trình tự phiên tòa. Đảm bảo về thời hạn chuẩn bị xét xử.

Về nội dung: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Phan Ngọc L và ông Nguyễn Hoài N được ly hôn.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

Bà Phan Ngọc L hiện đang cư trú, làm việc tại Hoa Kỳ, còn ông Nguyễn Hoài N đăng ký hộ khẩu thường trú tại B H, tổ A, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Ông, bà thống nhất lựa chọn Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết vụ án và bà Phan Ngọc L có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông N, nên đây là vụ án tranh chấp ly hôn có yếu tố nước ngoài theo quy định tại khoản 25 Điều 3 Luật Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai quy định tại điểm a khoản 2 Điều 38 và điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án bà L, ông N đều có đơn xin xét xử vắng mặt, đơn xin rút ngắn thời gian giải quyết vụ án, đề nghị không tham gia hòa giải và công khai chứng cứ. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai không mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Hội đồng xét xử sơ thẩm tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 477 của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân:

Bà L, ông N kết hôn năm 2023 trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 09/02/2023. Như vậy, bà L, ông N đã xác lập quan hệ vợ chồng theo qui định của pháp luật về hôn nhân và gia đình.

Sau khi kết hôn bà L, ông N không có thời gian chung sống với nhau vì bà L sinh sống ở Hoa Kỳ từ trước khi kết hôn còn ông N ở Việt Nam. Bà L, ông N không có con chung lại sống cách xa nhau nên không có điều kiện gần gũi, chăm sóc, động viên nhau trong cuộc sống nên tình cảm phai nhạt dần. Vì vậy, khi bà L có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì ông N cũng đồng ý, chứng tỏ tình cảm vợ chồng giữa bà L, ông N không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L.

2.2. Về con chung: Không có nên không xem xét.

2.3. Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự trình bày, họ không có tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí: Bà Phan Ngọc L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Điều luật áp dụng.

- Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 38, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, điểm d khoản 1 Điều 469, Điều 477, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 25 Điều 3, Điều 51, Điều 53, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 122, Điều 123 và Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Ngọc L .

Bà Phan Ngọc L được ly hôn với ông Nguyễn Hoài N.

3. Về án phí:

Buộc bà Phan Ngọc L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số: 0000218 ngày 18-02-2025 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai, bà Phan Ngọc L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền kháng cáo vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết công khai theo quy định

Riêng đương sự ở nước ngoài không có mặt tại phiên tòa, thì thời hạn kháng cáo bản án của Tòa án là 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

-Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai;

-Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai;

-UBND tỉnh Gia Lai;

-Các đương sự;

-Lưu hồ sơ, Tòa HN-CTN, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Nhàn